

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/ HNGĐ- ST

Ngày 12/7/2017

V/V: “ *Ly hôn, tranh chấp
về chia tài sản khi ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Chuyên

Hội thẩm nhân dân : Ông Trịnh Tiến Thanh

Ông Trịnh Công Kiêu

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Loan – Thư ký Tòa án

Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa.

Bà: Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 55/2017/TLST ngày 05 tháng 4 năm 2017. Tranh chấp về “Hôn nhân và Gia Đình”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/ 2017/ QĐXX- ST ngày 30/6/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Văn M... - sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn H.. B., xã H.. L..., huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Tô Thị H... - sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn B.. Th., xã Ng.. L., huyện Hậu Lộc, Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa có mặt hai bên đương sự).

NỘI DUNG VỤ ÁN

****Theo nguyên đơn anh Phạm Văn M... trình bày:***

- *Về hôn nhân:* Anh và chị Tô Thị H.. kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng.. L., huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16 tháng 02 năm 1987.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian hơn hai mươi năm. Năm 2004 cả hai vợ chồng đều vào Vũng Tàu làm ăn, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh bị bệnh hiểm nghèo (lao phổi) phải về quê chạy chữa thuốc men, từ ngày về quê chữa bệnh

chị H.. không quan tâm đến anh mà bỏ ra Hà Nội làm ăn, không cho anh đồng nào để chữa bệnh, thỉnh thoảng chị H.. có về quê nhưng không về nhà mà về chỗ chị gái chị H.. tại xã Ng.. L.., huyện Hậu Lộc rồi lại đi. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay, từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nữa nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tô Thị H..

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu đầu tên là Phạm Văn D.., sinh ngày 10/8/1988. Cháu thứ hai tên là Phạm Văn B.., sinh ngày 10/6/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có gia đình riêng. Cháu đầu Phạm Văn D... đang sinh sống tại Vũng Tàu, cháu thứ hai Phạm Văn B... đang sinh sống tại huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa, vợ chồng ly hôn, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết phần con chung.

- *Về tài sản*: Vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Theo bị đơn chị Tô Thị H... trình bày:***

- *Về hôn nhân*: Chị và anh Phạm Văn M... kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ng.. L.., huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp năm 1987.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, nhưng không được hạnh phúc khoảng 20 năm thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống của vợ chồng không hợp nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh M.. không chịu làm ăn, thường xuyên rượu chè, cờ bạc, trai gái, mỗi lần mâu thuẫn anh M.. xúc phạm và đánh đập chị rất thậm tệ. Anh M.. dùng dao, gạch để đánh đập chị. Có lần chị phải nhập viện để điều trị vết thương trên người. Vì thương các con nên chị đã cố gắng chịu đựng những trận đòn mà anh M.. đã đánh chị. Năm 2003 do cơn bão mạnh nên thuyền đánh cá của gia đình bị chìm, vì vậy vợ chồng con cái phải vào trong miền Nam làm ăn, các con chị phải bỏ học cùng mẹ lao động để kiếm tiền, còn anh M.. không chịu tu chí làm ăn, thỉnh thoảng lại bỏ về quê. Đến năm 2009 vợ chồng lại chuyển về quê ở còn hai con ở lại làm ăn trong Nam. Sau khi về quê anh M... bị bệnh nên phải vào bệnh viện điều trị. Do bệnh hiểm nghèo không đủ tiền chạy chữa nên vợ chồng phải bán khu nhà ở tại thôn B.. Th.- xã Ng.. L.. để lấy tiền mua thuốc men cho anh M., chỉ để lại một phần tiền mua một khu đất ở tại thôn H.. B., xã H.. L.. nhưng vẫn không đủ tiền chạy chữa thuốc men cho anh M... Vì vậy đến năm 2011, chị phải đi Hà Nội làm thuê để gửi tiền về mua thuốc cho anh M., cũng thời gian chị đi làm ăn, anh M.. ghen tuông nên mỗi lần chị về anh M.. lại đánh đập chị, nên chị phải về gia đình anh trai ở. Từ năm 2014 tới nay vợ chồng sống

ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay anh M.. làm đơn xin ly hôn chị, chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh M...

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung. Cháu đầu tên là Phạm Văn D., sinh ngày 10/8/1988. Cháu thứ hai tên là Phạm Văn B., sinh ngày 10/6/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có vợ con. Ly hôn, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản*: Vợ chồng có một ngôi nhà xây tường lợp bờ rô nằm trên thổ đất khoảng 35m² tại thôn H.. B., xã H.. L.. (đất chưa được cấp trích lục). Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- *Về công nợ*: Vợ chồng tôi không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện VKS nhân dân huyện Hậu Lộc đề nghị HĐXX căn cứ quy định của pháp luật và thực tế mâu thuẫn của vợ chồng: Giải quyết theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Phạm Văn M.. xin ly hôn với chị Tô Thị H... Đề nghị HĐXX xem xét chia tài sản theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh M.. vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với chị H., chị H... yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình giữa anh Phạm Văn M.. và chị Tô Thị H.. là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện được quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

**Về hôn nhân*: Anh Phạm Văn M.. và chị Tô Thị H.. kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn do UBND xã Ng.. L.. , huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 16/02/1987. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được khoảng 20 năm thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, nên thường xuyên xảy ra xung đột, xô xát, xúc phạm lẫn nhau, anh M.. cho rằng bản thân anh đang ốm đau mà chị H.. không chăm sóc anh mà bỏ

đi Hà Nội làm ăn, Quan điểm của chị H.. vì kinh tế gia đình quá khó khăn, anh M.. mắc bệnh hiểm nghèo không có tiền để mua thuốc nên chị phải đi ra Hà Nội làm thuê lấy tiền mua thuốc chữa trị cho anh M.., mặc dù vậy nhưng M.. vẫn thường xuyên đánh đập chị H.., mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không thể giải quyết được nên đã sống ly thân từ năm 1012 đến nay, từ đó đến nay vợ chồng không ai quan tâm đến ai nữa. Nay anh M.. xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên anh đề nghị HĐXX cho anh được xin ly hôn chị H...

Quan điểm của chị H... thì mâu thuẫn vợ chồng anh, chị đã đến mức quá trầm trọng không thể hàn gắn được nữa, nên chị cũng thống nhất đề nghị được ly hôn.

Xét thấy tình cảm vợ chồng anh M.. và chị H.. thực sự đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu đoàn tụ thì mục đích hôn nhân không thể đạt được, anh Phạm Văn M.. tha thiết đề nghị cho anh được ly hôn với chị H.., về phía chị H.. cũng đồng ý ly hôn với anh Phạm Văn M.. nên Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn M... Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Tô Thị H.. và anh Phạm Văn M.. là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia Đình.

**Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung. Cháu đầu tên là Phạm Văn D., sinh ngày 10/8/1988. Cháu thứ hai tên là Phạm Văn B., sinh ngày 10/6/1991. Hiện nay các cháu đã trưởng thành và có vợ con. Ly hôn, anh M.. và chị H.. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản:* Vợ chồng có một ngôi nhà xây tường lợp bờ rô xi măng, trên thổ đất 35m² tại thôn H.. B., xã H.. L.. (đất chưa được cấp trích lục). Ly hôn anh M.. không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H.. đề nghị Tòa án căn cứ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết hai bên đương sự không thống nhất được cách giải quyết nên chị H.. có đơn đề nghị Thành Lập Hội đồng định giá, Kết quả định giá tài sản ngày 14/6/2017 của HĐĐG của UBND huyện Hậu Lộc, thì tổng tài sản của vợ chồng anh M.. và chị H.. là 01 ngôi nhà xây tường lợp bờ rô nằm trên thổ đất thực tế đo là 41m² tại thôn H.. B., xã H.. L., có trị giá là 77.128.598đ. (Bảy mươi bảy triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng).

Quan điểm của anh M.. đề nghị được tiếp tục ở lại ngôi nhà đó để có điều kiện điều chữa bệnh, quan điểm của chị H.. đề nghị chia theo pháp luật, nếu anh M..yêu cầu được quản lý sử dụng thì phải trả tiền chênh lệch về tài sản cho chị ngay tại Tòa án, anh M.. đồng ý trả tiền chênh lệch về tài sản cho chị H., nhưng

hiện tại anh chưa thể có tiền để trả cho chị H.. ngày theo đề nghị của chị H., nên anh đề nghị HĐXX xem xét.

Xét thấy đề nghị của anh M.. được quản lý sử dụng toàn bộ số tài sản chung của vợ chồng là hoàn toàn phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh, nên HĐXX thống nhất giao lại toàn bộ số tài sản gồm nhà và đất gồm: 01 ngôi nhà xây tường lợp bờ rô xi măng, nằm trên thổ đất đo thực tế là 41m² tại thôn H.. B., xã H..L., có trị giá là 77. 128.598đ . cho anh M.. trực tiếp quản lý sử dụng, anh M.. phải có trách nhiệm trả cho chị H.. 50% giá trị tài sản chung của vợ chồng = 38.564.299đ.(tiền chênh lệch về tài sản).

**Về công nợ:* Anh M.. và chị H.. xác định vợ chồng không nợ ai thứ tài sản gì và cũng không có gì cho ai vay nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[3]Về án phí: Anh Phạm Văn M .. phải chịu tiền án phí ly hôn và án phí chia tài sản tương ứng với phần tài sản mà anh được hưởng, Chị H..phải chịu tiền án phí chia tài sản tương ứng với phần tài sản mà chị được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

***Áp dụng:** Điều 55; Điều 59; 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Các Điều 271; 273; 280; Khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a, b khoản 1 Điều 24 ; Điểm a, b Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về Án phí và Lệ phí Tòa án.

***Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Văn M.. xin ly hôn chị Tô Thị H...

1.Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Phạm Văn M.. và chị Tô Thị H...

2. Về tài sản: Giao cho anh Phạm Văn M.. trực tiếp quản lý sử dụng toàn bộ số tài sản gồm: 01 ngôi nhà xây tường lợp bờ rô xi măng nằm trên thổ đất 41 m² tại thôn H.. B., xã H.. L., có trị giá hiện tại là 77. 128.598đ. (Bảy mươi bảy triệu, một trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi tám đồng).

Anh Phạm Văn M.. có nghĩa vụ giao lại cho chị Tô Thị H.. 38.564.299đ. (Ba mươi tám triệu, năm trăm sáu mươi tư nghìn, hai trăm chín mươi chín đồng). tiền chênh lệch về tài sản.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, chị H.. có đơn yêu cầu thi hành án nêu anh M... không chịu thi hành số tiền trên thì hàng tháng anh M.. phải chịu mức lãi xuất theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự(năm 2015) tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và 9 Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

3.Về án phí : Anh Phạm Văn M.. phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 1.928.214đ án phí chia tài sản sơ thẩm, được trừ đi số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà anh M.. đã nộp theo biên lai số: AA/2015/0002483 ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Anh M.. còn phải nộp 1.928.214đ án phí chia tài sản.

Chị Tô Thị H.. phải nộp 1.928.214đ án phí chia tài sản sơ thẩm, được trừ đi số tiền 5.000.000đ tạm ứng án phí mà chị H.. đã nộp, trả lại cho chị H.. 3.071.786đ theo biên lai số: AA/2015/0002634 ngày 24/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

4.Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị H..và anh M.. có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật

Nơi nhận

- VKSND huyện Hậu lộc;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện;
- Tòa án ND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Ngr Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Chuyên